

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~974~~ /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày ~~18~~ tháng 3 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình khu neo đậu tránh trú
bão cho tàu thuyền nghề cá cửa sông Lý, huyện Quảng Xương

CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Đầu tư công ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công của Chính phủ;

Căn cứ Công văn số 8311/BKHĐT-KTNN ngày 27/10/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn dự án đầu tư xây dựng khu neo đậu tránh trú bão cho tàu thuyền nghề cá cửa sông Lý;

Căn cứ Công văn số 474b/CV-HĐND ngày 30/10/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án khu neo đậu tránh trú bão cho tàu thuyền nghề cá cửa sông Lý, huyện Quảng Xương;

Căn cứ Quyết định số 954/QĐ-UBND ngày 18/3/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án đầu tư xây dựng khu neo đậu tránh trú bão cho tàu thuyền nghề cá cửa sông Lý, huyện Quảng Xương;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 35/TT-SNN&PTNT ngày 10/3/2016 (kèm theo hồ sơ) và Tờ trình số 862/SKHĐT-TĐ ngày 17/3/2016 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình khu neo đậu tránh trú bão cho tàu thuyền nghề cá cửa sông Lý, huyện Quảng Xương,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình khu neo đậu tránh trú bão cho tàu thuyền nghề cá cửa sông Lý, huyện Quảng Xương, với những nội dung chính sau:

1. Tên dự án: Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu thuyền nghề cá cửa sông Lý, huyện Quảng Xương.

2. Tên chủ đầu tư: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Nhà thầu tư vấn lập dự án: Công ty TNHH Đồng Phú.

4. Mục tiêu đầu tư: Đảm bảo an toàn cho tàu thuyền nghề cá khu vực vùng ven biển huyện Quảng Xương và vùng lân cận neo đậu tránh trú bão, giảm thiểu thiệt hại về người, tài sản của ngư dân khi có gió bão xảy ra; tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân trong việc cung cấp các dịch vụ hậu cần nghề cá.

5. Quy mô đầu tư: Xây dựng khu neo đậu đảm bảo cho 315 tàu thuyền nghề cá vào an toàn, trú bão an toàn.

- Tàu có công suất < 90 CV: 200 tàu.

- Tàu có công suất 90 ÷ 200 CV: 100 tàu.

- Tàu có công suất > 200 CV: 15 tàu.

6. Nội dung đầu tư và giải pháp kỹ thuật: Nội dung xây dựng theo tiêu chí quy định tại Quyết định số 27/2005/QĐ-BTS ngày 01/9/2005 của Bộ Thủy sản.

a) Nạo vét luồng tàu và khu neo đậu: Chiều dài luồng tàu $L = 2.300$ m từ cửa sông Lý đến điểm cách hạ lưu cống Ngọc Giáp khoảng 450 m.

- Tàu có công suất < 90 CV: Chiều dài khu neo đậu $L = 900$ m; chiều rộng khu neo đậu $B_n = 37$ m; chiều rộng luồng tàu $B_l = 13$ m; cao trình đáy nạo vét (-3.30) m, mái dốc nạo vét $m = 2,5$.

- Tàu có công suất (90÷200) CV: Chiều dài khu neo đậu $L = 600$ m, chiều rộng khu neo đậu $B_n = 44$ m, chiều rộng luồng tàu $B_l = 17$ m, cao trình đáy nạo vét (-3.60) m, mái dốc nạo vét $m = (2,5÷10)$.

- Tàu có công suất > 200 CV: Chiều dài khu neo đậu $L = 100$ m, chiều rộng khu neo đậu $B_n = 53$ m, chiều rộng luồng tàu $B_l = 21$ m, cao trình đáy nạo vét (-4.50) m, mái dốc nạo vét $m = (2,5÷10)$.

b) Kè khu neo đậu: Tổng chiều dài tuyến kè $L = 2.624$ m. Mái kè (hệ số mái kè $m = 2÷3$) lát cầu kiện bê tông đúc sẵn kích thước (40x40x16) cm trong khung dầm BTCT, phía dưới tấm lát là lớp đá dăm dày 10 cm, lớp vải địa kỹ thuật và nền đất đắp đầm chặt đảm bảo $K \geq 0,95$. Chân kè được gia cố bằng đá hộc kiểu lạng thể tựa, cao trình đỉnh lạng thể tựa (+0.00) m, chiều rộng đỉnh lạng thể $B = 2$ m, mặt ngoài đỉnh lạng thể xếp đá hộc chèn chặt dày 30 cm, mái ngoài lạng thể $m = 2$. Đỉnh kè tại cao trình (+2.00) m, kết cấu bằng dầm BTCT; phía ngoài đỉnh kè bờ tả bố trí đường hành lang rộng $B = 2$ m, kết cấu bằng bê tông M300 dày 15 cm, phía dưới lớp bê tông là lớp nilông tái sinh và đá dăm (1x2)cm dày 15 cm, 2 mép biên bố trí gờ chắn bánh bằng bê tông.

c) Hệ thống neo đậu tàu thuyền:

- Trụ neo trên bờ: Bố trí dọc theo tuyến kè khu neo đậu, gồm 75 trụ. Kết cấu trụ neo bằng BTCT.

- Phao neo, xích và rùa neo: Bố trí dọc theo tuyến kè khu neo đậu, gồm 51 bộ; phao neo kết cấu bằng inox có dạng hình trụ, đường kính 1,5 m; rùa neo kết cấu BTCT, đặt ở ranh giới giữa luồng và khu neo đậu; rùa neo và phao neo kết nối với nhau bằng xích thép.

d) *Hệ thống biển báo hiệu*: Bố trí 12 biển báo hiệu bằng thép để phân khu neo đậu.

e) *Phao báo hiệu đầu luồng*: Bố trí 2 phao báo hiệu bằng thép để dẫn tàu vào luồng.

f) *Công trình hạ tầng*:

- Khu quản lý điều hành: Được xây dựng trên khuôn viên rộng 1.350 m² (dài 45 m, rộng 30 m); gồm nhà làm việc 2 tầng (Sxd = 126 m²); nhà bếp ăn (Sxd = 47 m²); nhà để ca nô (Sxd = 44 m²) và các công trình phụ trợ khác (cổng, sân, sân thể thao, hàng rào, bể nước, bể lọc, bồn hoa,...). Nhà làm việc có kết cấu khung, cột, dầm sàn BTCT đổ tại chỗ, tường xây gạch không nung, ngoài trát vữa xi măng, lăn sơn trực tiếp; sàn nhà lát gạch CERAMIC (400x400) mm; cửa đi, cửa sổ sử dụng cửa nhựa lõi thép.

- Cấp điện: Đấu nối với đường dây 10KV tại cột số 28, lộ L971 Quảng Xương. Xây dựng trạm biến áp 100KVA, kiểu trạm treo trên 2 cột LT-12B và hệ thống điện chiếu sáng, điện cấp cho khu điều hành.

- Hệ thống cấp nước sạch: Xây dựng 1 giếng khoan, bể lọc, bể chứa, máy bơm, đường ống dẫn cấp nước cho khu điều hành.

- Thiết bị phòng cháy, chữa cháy: Lắp đặt 21 bình bột chữa cháy, máy bơm nước và các thiết bị phun đồng bộ.

- Cây xanh: Dọc 2 bên bờ khu neo đậu và khu điều hành trồng cây xanh tạo cảnh quan trong khu neo đậu.

g) *Gia cố mặt đê sông Lý*: Phạm vi gia cố mặt đê tả, hữu sông Lý nằm trong phạm vi luồng tàu với tổng chiều dài gia cố 1.933 m, kết cấu bằng bê tông M300 dày 20 cm, phía dưới bê tông là lớp nilông tái sinh và lớp đá dăm loại 2 dày 15cm.

7. Nhóm dự án; loại, cấp công trình: Dự án nhóm B; công trình giao thông, cấp III.

8. Địa điểm xây dựng: Xã Quảng Thạch, huyện Quảng Xương.

9. Diện tích sử dụng đất: 43 ha.

10. Phương án giải phóng mặt bằng: Đất trong khu vực thực hiện dự án được bồi thường và thu hồi theo các quy định của Luật Đất đai và các Quyết định của UBND tỉnh. Chủ đầu tư có trách nhiệm phối hợp với UBND huyện Quảng Xương (địa bàn thực hiện dự án) tổ chức thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.

11. Tổng mức đầu tư: 119.995 triệu đồng;

Trong đó:

- Chi phí bồi thường GPMB: 15.455 triệu đồng;
- Chi phí xây dựng: 76.817 triệu đồng;
- Chi phí quản lý dự án: 1.102 triệu đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 4.211 triệu đồng;

- Chi phí khác: 7.526 triệu đồng;
- Chi phí dự phòng: 14.884 triệu đồng.

(Có phụ biểu chi tiết kèm theo)

12. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách Trung ương hỗ trợ cho dự án khoảng 100 tỷ đồng từ nguồn vốn Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế thủy sản bền vững; phần còn lại do ngân sách tỉnh và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác.

13. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

14. Thời gian thực hiện dự án: 4 năm (từ 2016÷2019).

Điều 2. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện dự án theo đúng Luật Xây dựng năm 2014; Luật Đấu thầu năm 2013 và các quy định hiện hành của Nhà nước.

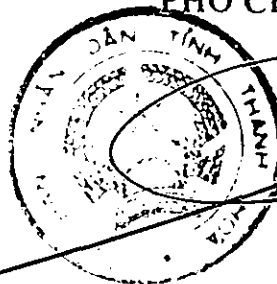
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh và Thủ trưởng các ngành, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Phó Chủ tịch UBND tỉnh Nguyễn Đức Quyền;
- Phó Chánh Văn phòng Lê Thanh Hải;
- Lưu: VT, NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Quyền

PHỤ BIỂU TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

Dự án đầu tư xây dựng công trình khu neo đậu tránh trú bão cho tàu thuyền nghề cá cửa sông

Lý, huyện Quảng Xương

(Kèm theo Quyết định số: 974/QĐ-UBND, ngày 18 tháng 3 năm 2016 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung chi phí	Cách tính	Thành tiền
	Tổng cộng	(I+II+III+IV+V+VI)	119.995
I	Chi phí bồi thường GPMB		15.455
II	Chi phí xây dựng (Gxd)		76.817
III	Chi phí quản lý dự án (Gqlđ)	$1,578\% \times Gxd/1,1$	1.102
IV	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng		4.211
1	Chi phí lập báo cáo đầu tư		30,8
2	Chi phí lập dự án		278,6
3	Khảo sát giai đoạn lập dự án		494,9
4	Giám sát khảo sát giai đoạn lập dự án		18,9
5	Khảo sát bước lập TKBVTC-DT	Tạm tính	500,0
6	Lập TKBVTC-DT	$1,090\% \times Gxd$	837,6
7	Lựa chọn nhà thầu các gói thầu	$0,200\% \times Ggt$	111,2
8	Giám sát thi công xây dựng công trình	$Gxd \times 1,695\%$	1.301,7
9	Giám sát, đánh giá dự án	$20,0\% \times Gqlđ \times 1,1$	242,4
10	Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	Tạm tính	295,0
11	Giám sát môi trường	Tạm tính	100,0
V	Chi phí khác		7.526
1	Chi phí hạng mục chung (bao gồm cả chi đảm bảo an toàn giao thông)		4.891,0
2	Bảo hiểm xây dựng công trình	$0,420\% \times Gxd$	322,6
3	Thẩm định dự án		16,9
4	Thẩm định thiết kế	$0,066\% \times Gxd/1,1$	46,2
5	Thẩm định dự toán	$0,063\% \times Gxd/1,1$	44,1
6	Thẩm định KQĐT, HSMT các gói thầu	$0,100\% \times Ggt$	82,4
7	Kiểm toán	$0,563\% \times TMĐT$	675,0
8	Thẩm tra phê duyệt quyết toán	$0,368\% \times TMĐT \times 0,5/1,1$	200,5
9	Rà phá bom mìn, vật nổ		1.247,0
VI	Chi phí dự phòng		14.884
1	Dự phòng cho khối lượng phát sinh	$(I+II+III+IV+V) \times 10\%$	10.511
2	Dự phòng cho yếu tố trượt giá	$(I+II+III+IV+V) \times 4,16\%$	4.373